

Số: /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày tháng 8 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Khoáng sản năng lượng xanh Việt Nam tại Văn bản số 02/CV-NLX ngày 09/5/2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án nhà máy chế biến đá xẻ, bột đá trắng và viên nén năng lượng xanh Yên Bái và hồ sơ kèm theo Văn bản số 20/GPMT ngày 21 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 97/TTr-SNNMT, ngày 05 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Khoáng sản năng lượng xanh Việt Nam, địa chỉ tại Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Xưởng sản xuất bột đá trắng của Dự án Nhà máy chế biến đá xẻ, bột đá trắng và viên nén năng lượng xanh Yên Bái với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Xưởng sản xuất bột đá trắng của Dự án Nhà máy chế biến đá xẻ, bột đá trắng và viên nén năng lượng xanh Yên Bái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 5200893800, đăng ký lần đầu ngày 01/11/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/02/2020.

1.4. Mã số thuế: 5200893800.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất đá trắng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất là 83.614,5m²

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
Dự án nhóm C

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công suất: Sản phẩm bột đá CaCO₃ là 100.000 tấn/năm. Trong đó: sản phẩm 1 loại 60 mesh - 90 mesh công suất 80.000 tấn/năm. Sản phẩm 2 loại 800 mesh công suất 20.000 tấn/năm.

- Công nghệ sản xuất: Đá nguyên liệu -> Sàng -> Máy kẹp hàm -> Máy đập búa -> Sàng rửa, phân loại -> Máy nghiền búa -> Máy nghiền mịn -> Silo chứa -> Máy phân ly -> Đóng bao.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Khoáng sản năng lượng xanh Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định

của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Các nội dung của Xưởng sản xuất bột đá trắng thực hiện theo Giấy phép này và thay thế các nội dung tương ứng tại Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy chế biến đá xẻ, bột đá trắng và viên nén năng lượng xanh Yên Bái.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân phường Văn Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Công Thương; Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai; Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản năng lượng xanh Việt Nam và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (đ/c Sinh);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh (đ/c Tú);
- Lưu: VT, KT_{Thùy}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Sinh

PHỤ LỤC 1:**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không có

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

a) Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân Nhà máy là $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Lượng nước thải phát sinh được thu gom bằng đường ống về 02 bể tự hoại 03 ngăn dung tích $9,5\text{m}^3/\text{bể}$ (kích thước mỗi bể: dài $2,7\text{m}$ x rộng $2,2\text{m}$ x sâu $1,6\text{m}$; trong đó 01 bể tại khu sản xuất, 01 bể tại khu văn phòng) sau đó theo đường ống PVC D90 về bể lắng, lọc 04 ngăn dung tích $2,97\text{m}^3/\text{bể}$ (kích thước mỗi bể: dài $1,8\text{m}$ x rộng $1,5\text{m}$ x sâu $1,1\text{m}$; tại ngăn số 03 thiết bị lọc sử dụng là sỏi, ngăn số 04 thiết bị lọc sử dụng là cát và hóa chất sử dụng là clo). Nước thải sau xử lý tại khu văn phòng sau đó theo đường ống PVC D100 chảy ra rãnh thoát nước chung của Khu công nghiệp, nước thải tại khu sản xuất theo đường ống PVC D160 chảy ra ao lắng nước thải sản xuất, tuần hoàn không thải ra ngoài môi trường.

- Vật liệu sử dụng: Cát, sỏi.

- Hóa chất sử dụng: Clo

b) Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy.

- Nước mưa từ mái được thu bằng đường ống PVC D110 dẫn xuống hệ thống rãnh thoát nước của Nhà máy.

- Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa quanh Nhà máy, cụ thể:

+ Khu đường vào nhà máy kích thước rãnh rộng $0,5\text{m}$ x sâu $0,4\text{m}$ x dài 114m .

+ Khu văn phòng kích thước rãnh rộng $0,25\text{m}$ x sâu $0,2\text{m}$ x dài 86m .

+ Khu bãi chứa nguyên liệu kích thước rãnh rộng $0,5\text{m}$ x sâu $0,6\text{m}$ x dài 280m và bố trí 01 hố lắng kích thước dài $1,2\text{m}$ x rộng $1,0\text{m}$ x sâu $1,5\text{m}$.

+ Khu xưởng sản xuất và kho thành phẩm kích thước rãnh rộng $0,8\text{m}$ x sâu $0,77\text{m}$ x dài 208m .

+ Khu trạm cân kích thước rãnh rộng $0,3\text{m}$ x sâu $0,3\text{m}$ x dài 30m .

- Đối với mặt bằng khu vực chưa xây dựng thoát nước theo độ dốc của địa hình, tại cuối khu vực bố trí 01 hố thu gom nước mưa tạm thời kích thước dài $2,0\text{m}$ x rộng $1,8\text{m}$ x sâu $1,5\text{m}$ để lắng và chảy xuống ao lắng dung tích 1.050m^3 của Nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông hệ thống rãnh và các hố ga để đảm bảo quá trình thoát nước không bị gián đoạn. Bùn sau khi nạo vét được thu gom tập trung bón vào khu vực vườn hoa của Công ty.

c) Nước thải sản xuất:

Nước thải phát sinh từ quá trình rửa đá sẽ được thu gom bằng hệ thống rãnh bê tông kích thước rộng 0,6m x sâu 0,8m về hệ thống bể lắng 06 ngăn dung tích 315,32m³ (kích thước ngăn số 01 và số 02 dài 3,85m x rộng 3,2m x sâu 2,1m; ngăn số 03 và số 04 dài 3,85m x rộng 3,0m x sâu 2,1m; ngăn số 05 dài 7,7m x rộng 6,2m x sâu 2,1m; ngăn số 06 dài 7,7m x rộng 6,8m x sâu 2,1m) để xử lý, sau đó theo đường ống PVC D90 dài 5m chảy sang 01 ao lắng dung tích khoảng 4.301m³ (kích thước dài 59,08m x rộng 14,56m x sâu 5m) và tuần hoàn tái sử dụng trong sản xuất không thải ra ngoài môi trường.

2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.
- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng công trình.
- Chuẩn bị sẵn vật tư để phục vụ công tác sửa chữa, khắc phục khi có sự cố.
- Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường về quá trình vận hành hệ thống xử lý chất thải, ứng phó kịp thời với các trường hợp quá tải.
- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng dừng hoạt động phát sinh nước thải; tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường; tập trung khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thu gom, xử lý thoát nước thải sản xuất và tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sản xuất vào mục đích phù hợp trong phạm vi cơ sở theo quy định của pháp luật, không thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

- Công ty Cổ phần khoáng sản năng lượng xanh Yên Bái chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi nước thải sinh hoạt sau xử lý không đạt yêu cầu quy định trước khi thải ra ngoài môi trường và việc xả nước thải sản xuất ra ngoài môi trường không đúng theo quy định.

PHỤ LỤC 2:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải sau hệ thống xử lý của dây chuyền nghiền mịn (05 nguồn).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

a) Vị trí xả bụi, khí thải

- Vị trí số 01: Ống phóng không số 01. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_1 (m) = 2398242$; $Y_1 (m) = 520546$.

- Vị trí số 02: Ống phóng không số 02. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_2 (m) = 2398215$; $Y_2 (m) = 520541$.

- Vị trí số 03: Ống phóng không số 03. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_3 (m) = 2398215$; $Y_3 (m) = 520559$.

- Vị trí số 04: Ống phóng không số 04. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_4 (m) = 2398199$; $Y_4 (m) = 520551$.

- Vị trí số 05: Ống phóng không số 05. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_5 (m) = 2398198$; $Y_5 (m) = 520509$.

b) Lưu lượng xả khí thải:

Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất là của mỗi ống phóng không là 40.000 m³/giờ. Tổng lưu lượng lớn nhất của 05 nguồn là 200.000 m³/giờ.

- *Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong quá trình hoạt động sản xuất*

- *Chất thải lượng bụi, khí thải trước khi xả thải vào môi trường phải đảm bảo yêu cầu về môi trường và Quy chuẩn chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải cụ thể như sau:*

Toàn bộ lượng bụi và khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p=0,9$, $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, $K_p=0,9$, $K_v=1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ dây chuyền nghiền mịn tại công đoạn nghiền sản phẩm (05 *dây chuyền*): Tại mỗi dây chuyền bụi được thu gom bằng các chụp hút, sau đó theo đường ống về hệ thống xử lý (*hệ thống lọc bụi kín, lắp đặt đồng bộ theo dây chuyền sản xuất*) gồm 01 Cyclone và 150 túi lọc bụi tay áo. Bụi sau đó được thu về đáy Cyclone kín để thu hồi lại sản phẩm. Khí sạch sau đó được thoát ra môi trường qua các ống phóng không cao 05m, đường kính 0,6m.

- Bụi phát sinh từ dây chuyền nghiền thô tại cấp liệu rung có bố trí vòi tưới nước để rửa đá và dập bụi: Bố trí 02 bơm với công suất 15kw để rửa đá và dập bụi (*trong đó 01 máy bơm hoạt động và 01 máy bơm dự phòng*). Nước được bơm từ ao lắng qua đường ống HDPE D90, D50 sau đó qua vòi phun nước để rửa đá và dập bụi trực tiếp. Nước thải sau đó được thu gom vào hệ thống rãnh bê tông về bể lắng 06 ngăn, ao lắng như đã trình bày tại mục B Phụ lục 1 nêu trên và tuần hoàn tái sử dụng.

- Tại khu vực cấp liệu rung, kẹp hàm bố trí mái che bằng tôn và có bao che xung quanh, đảm bảo bụi không phát tán ra ngoài môi trường xung quanh. Khu vực băng tải đặt trong nhà xưởng thiết kế kín có bao che bằng tôn xung quanh.

2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó với sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ công trình xử lý bụi, khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo bụi, khí thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường

- Tuân thủ quy trình vận hành máy móc, thiết bị; tập huấn cho công nhân về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc; bố trí các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố.

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng, thiết bị, máy móc đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, nhanh chóng tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn thông báo cho các cơ quan liên quan để được hướng dẫn giải quyết.

3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ khi giấy phép môi trường được cấp.

b) Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này
- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

c) Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025) cụ thể như sau: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra).

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công ty Cổ phần khoáng sản năng lượng xanh Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 3:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình sản xuất, Nhà máy phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các dây chuyền sản xuất, từ quá trình xúc bốc, vận chuyển đá, cụ thể:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- + Nguồn số 01: Khu vực đặt máy nghiền số 01 của dây chuyền nghiền mịn.
- + Nguồn số 02: Khu vực đặt máy nghiền số 02 của dây chuyền nghiền mịn.
- + Nguồn số 03: Khu vực đặt máy nghiền số 03 của dây chuyền nghiền mịn.
- + Nguồn số 04: Khu vực đặt máy nghiền số 04 của dây chuyền nghiền mịn.
- + Nguồn số 05: Khu vực đặt máy nghiền số 05 của dây chuyền nghiền mịn.
- + Nguồn số 06: Khu vực bãi chứa đá nguyên liệu.

- Nguồn phát sinh độ rung:

- + Nguồn số 01: Khu vực đặt máy nghiền số 01 của dây chuyền nghiền mịn.
- + Nguồn số 02: Khu vực đặt máy nghiền số 02 của dây chuyền nghiền mịn.
- + Nguồn số 03: Khu vực đặt máy nghiền số 03 của dây chuyền nghiền mịn.
- + Nguồn số 04: Khu vực đặt máy nghiền số 04 của dây chuyền nghiền mịn.
- + Nguồn số 05: Khu vực đặt máy nghiền số 05 của dây chuyền nghiền mịn.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với tiếng ồn, độ rung, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng tường bao xung quanh khu vực Nhà máy.

- Các máy móc kỹ thuật của Nhà máy được bao che, vận hành theo đúng công suất thiết kế và có kế hoạch kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo hoạt động tốt trong suốt quá trình.

- Lập nội quy ra/vào khu vực Nhà máy, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này

PHỤ LỤC 4:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

I. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã QL CTNH)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	60
2	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ	Rắn	19 12 01	70
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	12
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	20
5	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	17 07 03	200
	Tổng			362

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bùn bột đá rơi vãi tại khu vực rửa nguyên liệu và tại các ao lắng phát sinh với khối lượng khoảng 8m³/năm (tuỳ theo công suất của nhà máy tại từng thời điểm). Bụi từ hệ thống xử lý bụi tại dây chuyền nghiền siêu mịn phát sinh với khối lượng khoảng 50.000 kg/năm.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa, giấy carton... với khối lượng trung bình khoảng 25kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng phuy để thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 38m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây dựng có tường bao, đồ mái bê tông, lợp tôn, nền bê tông chống thấm, có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định

về quản lý chất thải nguy hại.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Khu vực lưu chứa ngoài trời: Bùn bột đá thải tại khu vực rửa đá nguyên liệu và tại các ao lắng được Công ty nạo vét và đổ vào bãi tập kết tạm thời tại khu vực giáp với ao lắng (cách ao khoảng 1,5m) và thực hiện xây tường cao 1,5m để đảm bảo bùn bột đá không chảy ngược trở lại ao lắng. Khối lượng bùn này được Công ty thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển hoặc đem bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua. Bụi từ hệ thống xử lý bụi tại dây chuyền nghiền siêu mịn được thu hồi lại làm sản phẩm.

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, bố trí các thùng chứa rác thải loại 20 lít dọc hành lang và tiền sảnh, loại 25 - 35 lít tại khu vực nhà ăn. Định kỳ, tổ vệ sinh của Nhà máy sẽ thu gom và thuê đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt để vận chuyển đi xử lý.

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ

Thực hiện đúng các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

2. Sự cố đối với công trình xử lý nước thải, bụi và khí thải

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.
- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng để công trình hoạt động ổn định.
- Chuẩn bị sẵn sàng vật tư để phục vụ công tác sửa chữa, khắc phục khi có sự cố.
- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường, nếu xảy ra sự cố sẽ lập tức khóa van xả, nhanh chóng tiến hành sửa chữa. Hệ thống tạm thời dừng hoạt động để khắc phục sự cố. Trong thời gian khắc phục sự cố, đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm thuê đơn vị có chức năng bơm hút lượng nước thải sinh hoạt phát sinh để vận chuyển xử lý đảm bảo theo quy định. Sau khi khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động bình thường.

PHỤ LỤC 5:
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được cấp phép; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Thường xuyên vận hành công trình xử lý chất thải và phải xử lý đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất tại Nhà máy;

2. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý đất đai, an toàn điện và các quy định khác của pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động của Nhà máy.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;

7. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Nhà máy;

8. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến Nhà máy khi được yêu cầu;

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Các nội dung khác không thuộc nội dung giấy phép môi trường này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy chế biến đá xẻ, bột đá trắng và viên nén năng lượng xanh Yên Bái./.